

UBND HUYỆN THANH HÀ
TRƯỜNG THCS LIÊN MẠC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86^a/BC-THCS

Liên Mạc, ngày 04 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH**

*(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THCS Liên Mạc

2. Địa chỉ

Thôn Mạc Thủ 1 – xã Liên Mạc – huyện Thanh Hà – tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0869 550 443

Website: <http://th-thcslienmac.haiduong.edu.vn/>

3. Loại hình

Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu

Sứ mệnh:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, tích cực, có kỷ luật, có chất lượng giáo dục toàn diện và chuyên sâu; học sinh yêu thích học tập, có ý thức học tập suốt đời và có cơ hội phát triển tài năng, biết tư duy sáng tạo; có đạo đức, có trí thức, biết tư duy độc lập, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp.

Tầm nhìn:

Trở thành một trong những trường có bề dày về truyền thống về giáo dục toàn diện và có chất lượng, nơi mà cha mẹ học sinh sẽ lựa chọn để con em mình được học tập và rèn luyện. Đây cũng là nơi giáo viên luôn có khát vọng được cống hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên, phát huy truyền thống hiếu học. Đến năm 2027 xây

dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm của địa phương, đảm bảo các tiêu chí, chỉ báo của trường chuẩn QG mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

Hệ thống giá trị cơ bản:

Đoàn kết; Hợp tác; Trách nhiệm; Bao dung; Trung thực; Sáng tạo; Khát vọng vươn lên và Phát triển – Đổi mới và hội nhập.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Liên Mạc tiền thân là Cấp II Liên Mạc được thành lập tháng 9 năm 1964. Trường đã trải qua nhiều thăng trầm, biến động của lịch sử và có nhiều lần đổi tên với các giai đoạn trưởng thành, phát triển.

Giai đoạn từ 1964 – 1975: là thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Liên Mạc cũng như bao miền quê khác trên miền Bắc XHCN chịu ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Song, vượt lên tất cả, các thế hệ thầy giáo, cô giáo nhà trường đã không quản gian khổ bám lớp, bám trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ “trồng người”.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, tiếp bước các thế hệ cha anh, các thầy, cô giáo nhà trường với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Chặng đường xây dựng và phát triển của nhà trường cũng có nhiều thăng trầm, đổi thay. Năm 1979 trường Cấp II Liên Mạc sáp nhập với Cấp I Liên Mạc thành trường PTCS Liên Mạc. Đến tháng 9/1989, trường tách ra và chính thức mang tên Trường THCS Liên Mạc cho đến hiện nay. Thực hiện NQTW4 khóa 7, với mục tiêu xây dựng trường ra trường, lớp ra lớp, năm học 1995 - 1996 nhà trường đã hoàn thành việc xây dựng mới ngôi trường cao tầng khang trang tại địa điểm của trường bây giờ.

Giai đoạn từ năm 2000 đến nay: Đầu những năm 2000, địa phương và nhà trường đã có chủ trương xây dựng trường chuẩn quốc gia. Nhà trường đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, được bổ sung cơ sở vật chất, nhiều công trình hỗ trợ được xây dựng mới. Cùng với đó, nhà trường đã đầu tư kinh phí mua sắm nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng CNTT vào quá trình dạy học. Quy mô phát triển ngày càng không ngừng được lớn mạnh. Ghi nhận thành tích mà nhà trường đã đạt được, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đã ra Quyết định số: 4692/QĐ-UBND ngày 23/11/2004 công nhận trường THCS Liên Mạc đạt chuẩn quốc gia và là trường đạt chuẩn quốc gia cấp THCS đầu tiên của huyện Thanh Hà.

Trường THCS Liên Mạc có bề dày thành tích trong các trường tại địa phương, trong huyện. Chi bộ nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng giấy

khen của Đảng ủy. Nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến và tiên tiến xuất sắc. Công đoàn nhà trường nhận Giấy khen của Liên đoàn lao động huyện Thanh Hà năm 2023. Liên đội nhà trường vững mạnh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Mạc Mạnh Cường. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Mạc Thủ 1 – xã Liên Mạc – huyện Thanh Hà – tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 0975057869

Email: phuvinhlm@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường THCS Liên Mạc tiền thân là Cấp II Liên Mạc được thành lập tháng 9 năm 1964.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 75/QĐ-PGDĐT ngày 03/10/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Hà về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Liên Mạc nhiệm kỳ 2019 - 2024

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ Đảng – Chính quyền	Chức vụ Hội đồng trường
1	Mạc Mạnh Cường	Bí thư CB-Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phạm Thị Phượng	P.BTCB-P.hiệu trưởng	P. Chủ tịch
3	Vũ Thị Vân	Giáo viên	Thư ký
4	Đặng Văn Tăng	Phó chủ tịch UBND xã	Thành viên
5	Tiêu Công Toàn	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
6	Nguyễn Phan Phùng	Tổ trưởng tổ KHTN	Thành viên
7	Phạm Thị Thúy Diệp	Tổ phó tổ KHXX	Thành viên
8	Phan Thị Dung	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
9	Phạm Thị Thúy Dịu	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
10	Phạm Văn Đạm	Trưởng BDD CMHS	Thành viên
11	Phạm Thị Ngọc Diệp	Học sinh	Thành viên

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

Hiệu trưởng: Mạc Mạnh Cường

+ Ngày tháng năm sinh: 18/02/1976

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Liên Mạc từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định số 622 /QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND huyện Thanh Hà.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 02 năm.

Phó hiệu trưởng: Phạm Thị Phương

+ Ngày tháng năm sinh: 27/11/1982

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Liên Mạc vào ngày 27 tháng 01 năm 2024 theo quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Thanh Hà.

+ Thời gian làm Phó hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 1 năm.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Cơ chế hoạt động của nhà trường

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường THCS Liên Mạc là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thanh Hà.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 19 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 22 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn: Chi đoàn gồm 3 đoàn viên

+ Tổ chức Đội: có 12 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn.

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Mac Mạnh Cường	Hiệu trưởng	0975057869	phuvinhlm@gmail.com
2	Phạm Thị Phương	P.Hiệu trưởng	0977077108	phuong8228@gmail.com

Thôn Mạc Thủ 1 – xã Liên Mạc – huyện Thanh Hà – tỉnh Hải Dương

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển nhà trường số 45/CLPT-THCS ngày 03/10 /2020 chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 56/QĐ-THCS ngày 20/9/2023 về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” năm học 2023-2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề			Chuẩn NN		
			ThS	ĐH	CD	I	II	III	T	K	TB
	Tổng số GV, CBQL và NV										
I	Giáo viên	19		17	2						
	Ngữ văn	3		3			2	1		K	
	Lịch sử - Địa lý	2		2			2			K	
	GDCD	1		1			1		T		
	Ngoại ngữ	3		3			2	1		K	
	Toán	3		3			2	1		K	
	KHTN	3		3			2	1	T	K	
	Công nghệ	0		0			0	0			
	Nghệ thuật	2		1	1		1			K	
	Tin học	0		0			0	0			
	GDTC	2		1	1			1		K	

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức đang nghề			Chuẩn NN		
			ThS	ĐH	CĐ	I	II	III	T	K	TB
II	CBQL	2				2					
	Hiệu trưởng	1	1			1			T		
	P. hiệu trưởng	1				1			T		
III	Nhân viên	3	1	3							
	Văn thư	1		1							
	Thư viện, CNTT	0		0							
	TB-TN	1		1							
	KT	1		1							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 12 (trong đó Tốt: $7/12 = 58,3\%$;
Khá $4/11 = 33,3\%$; TB: $2/12 = 16,7\%$).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $19/19 = 100\%$ trong đó BGH: 02, GV:

17

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bìnhquân
I	Số phòng học	12	
II	Loại phòng học	12	
1	Phòng học kiên cố	7	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (cóphươnggiệnnghehìn)	0	

7	Bình quân lớp/phòng học	1,5	
8	Bình quân học sinh/lớp	37,2	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6.540	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.500	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	378	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	334	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	84	
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	342	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	1	
2	Khối lớp 7	1	
3	Khối lớp 8	1	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	
5	Khối lớp 9	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Bảng đa năng	1	
6	Phòng máy vi tính (số máy)	20	
7	Phòng Lad (số máy)	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích(m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	1/1		0,17
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	1/1		0,17

(*Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Lớp 6:

STT	Môn	Tên sách	Bộ sách	Ghi chú
1	Ngữ Văn	Ngữ văn 6 (tập 1, tập 2)	Cánh diều	
3	Toán	Toán 6 (tập 1, tập 2)	Cánh diều	
4	GDCD	Giáo dục công dân 6	Cánh diều	
5	Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên 6	Cánh diều	
6	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lí 6	Cánh diều	
7	Tin học	Tin học 6	Cánh diều	
8	Công nghệ	Công nghệ 6	Cánh diều	
7	Mĩ thuật	Mĩ thuật 6	Cánh diều	
8	Âm nhạc	Âm nhạc 6	Cánh diều	
9	Thể dục	Giáo dục thể chất 6	Cánh diều	
10	Trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Cánh diều	
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 6 Explore English	Cánh diều	

Lớp 7:

T T	Môn	Bộ sách sách được chọn	Nhóm tác giả	Ghi chú
1	Ngữ Văn	Ngữ Văn 7, tập 1 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB ĐHSP TP. HCM	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Hạnh, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Văn Lộc.	
2		Ngữ Văn 7, tập 2 Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB ĐHSP TP. HCM	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Hạnh, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Phước Hoàng, Nguyễn Văn Lộc.	
3	Toán	Toán 7, tập 1 Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
4		Toán 7, tập 2 Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	
5	Tiếng Anh	Tiếng Anh 7 Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) Global Success NXB Giáo dục Việt Nam	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	
6	Giáo dục công dân	Giáo dục công dân 7 Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Huế	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	

T T	Môn	Bộ sách sách được chọn	Nhóm tác giả	Ghi chú
7	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 7 Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thế Bình (Chủ biên phần Lịch sử) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thế Bình (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hương, Vũ Đức Liêm, Nguyễn Văn Ninh, Ninh Xuân Thao; Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông (đồng Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tường Huy, Trần Thị Thanh Thủy, Hoàng Phan Hải Yến, Ngô Thị Hải Yến.	
8	Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên 7 Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuấn Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quế, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vụ.	
9	Công nghệ	Công nghệ 7 Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB ĐHSPTP.HCM	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Dương Văn Nhiệm (Chủ biên), Phạm Thị Lam Hồng, Nguyễn Thị Ái Nghĩa, Nguyễn Thị Vinh.	
10	Tin học	Tin học 7 Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Anh Lê.	
11	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 7 Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	

T T	Môn	Bộ sách sách được chọn	Nhóm tác giả	Ghi chú
12	Âm nhạc	Âm nhạc 7 Đỗ Thanh Hiên (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB ĐHSP TP.HCM	Đỗ Thanh Hiên (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.	
13	Mĩ thuật	Mĩ thuật 7 Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB Đại học Sư phạm	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My., Nguyễn Thị Hồng Thắm.	
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên) Bộ sách Cánh Diều NXB ĐHSP TP.HCM	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thuý Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	

Lớp 8:

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Tên bộ sách (ví dụ: Cánh Diều)	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
2	Toán 8	Đỗ Đức Thái	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
3	Tin học 8	Hồ Sĩ Đàm	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
4	KHTN 8	Mai Sĩ Tuấn	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
5	Công nghệ 8	Nguyễn Tất Thắng	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
6	Lịch sử & Địa lí 8	Vũ Minh Giang	KNTT với CS	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục công dân 8	Nguyễn Thị Mĩ Lộc	Cánh Diều	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 8	Đỗ Thanh Hiên	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
9	Mĩ thuật 8	Phạm Văn Tuyên	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tên bộ sách (ví dụ: Cánh Diều)	Nhà xuất bản
10	Giáo dục thể chất 8	Lưu Quang Hiệp	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
11	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 8	Nguyễn Dục Quang	Cánh Diều	ĐHSP TP Hồ Chí Minh
12	Tiếng Anh 8	Hoàng Văn Vân	Global success	NXB GD Việt Nam

Lớp 9:

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân
1	Toán 9 (Tập 1,2) (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
2	Khoa học tự nhiên 9 (Cánh Diều)	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thùy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Tin học 9 (Cánh Diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
4	Giáo dục thể chất 9 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
5	Công nghệ 9 - Định hướng	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân
	nghề nghiệp (Cánh Diều)		liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
6	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Cánh Diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Vũ Thị Thu Nga, Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Thị Như Trang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
7	Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Vũ Thanh Hải (Chủ biên), Vũ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Bích Phương.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
8	Công nghệ 9 - Mô đun Chế biến thực phẩm (Cánh Diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Lan Hương (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Lan, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
9	Ngữ văn 9 (Cánh Diều)	Tổng chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết, Chủ biên: Đỗ Ngọc Thống	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh)
10	Tiếng Anh 9 (GLOBAL SUCCESS)	Tổng chủ biên: Võ Đại Phúc. Chủ biên: Nguyễn Dương Hoài Thương	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Lịch sử và Địa lí 9 (Kết nối tri thức)	Tổng Chủ biên (Lịch sử): Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ Chủ biên (Lịch sử): Nguyễn Ngọc Cơ, Trình Đình Tùng Tổng Chủ biên kiêm chủ biên (Địa lí): Đào Ngọc Hùng	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục Công dân 9 (Cánh Diều)	Tổng Chủ biên: Nguyễn Thị Mỹ Lộc Chủ biên: Phạm Việt Thắng	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân
			(VEPIC). Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế
13	Âm nhạc 9 (Cánh Diều)	Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên: Đỗ Thanh Hiền. Chủ biên Vũ Ngọc Tuyên	NXB Công ty cổ phần đầu tư Xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC), Đơn vị liên kết XNB Đại học Huế
14	Mĩ Thuật 9 (Cánh Diều)	Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên: Phạm Văn Tuyến	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP)
15	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Cánh Diều)	Tổng Chủ biên: Nguyễn Dục Quang, Chủ biên: Nguyễn Đức Sơn	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản ĐHSP TPHCM)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	

Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3		X	X	
Tiêu chí 3.1	X			
Tiêu chí 3.2	X			
Tiêu chí 3.3		X		
Tiêu chí 3.4	X			
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5		X	X	
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Không đạt

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Liên Mạc, năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn 5 thôn xã Liên Mạc và hs xã khác - Đủ 11 tuổi (sinh năm 2013, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình Tiểu học).	- HS thuộc địa bàn 5 thôn xã Liên Mạc và hs xã khác - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số: 22/2021 của Bộ Giáo dục. -HS chuyển đến có đủ	- HS thuộc địa bàn 5 thôn xã Liên Mạc và hs xã khác - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục.	- HS thuộc địa bàn 5 thôn xã Liên Mạc và hs xã khác - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
		<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường. 	<ul style="list-style-type: none"> hồ sơ hợp lệ, học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường 	<ul style="list-style-type: none"> đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước - Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. - Môn học đối với lớp 6,7,8,9: 12 môn; - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống. 			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND huyện Than Hà, hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học. - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 4 thành viên, ban đại diện lớp có 2 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. 			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 18 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, máy chiếu, máy tính. 			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
	ở cơ sở giáo dục				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có Rèn luyện khá, tốt 90,46% - Học sinh có học lực khá, giỏi: 64,53% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS. 			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99% 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99% 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% được công nhận TN THCS sau 2 đợt. - Duy trì sĩ số 99%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Liên Mạc năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo HK/RL	409	128	101	84	96
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	215 52,57 %	66 51,56 %	56 55,45 %	34 40,48 %	59 61,46%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	130 31,78 %	47 36,72 %	26 25,74 %	35 41,67 %	22 22,92%
3	TB/Đ (tỷ lệ so với tổng số)	55 13,45 %	14 10,94 %	15 14,85 %	12 14,29 %	14 14,48%
4	Yếu/CD (tỷ lệ so với tổng số)	9 2,2%	1 0,78 %	4 3,96%	3 3,57%	1 1,04%
II	Số học sinh chia theo HL/HT	409	128	101	84	96

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	85 20,78 %	32 25%	15 14,85 %	14 16,67 %	24 25%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	157 38,39 %	48 37,5%	52 51,49 %	27 32,14 %	30 31,25%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	155 37,90 %	44 34,38 %	30 29,70 %	41 48,81 %	40 41,67%
4	Yếu/ĐD (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,93%	4 3,13%	4 3,96%	2 2,38%	2 2,08%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	409	128	101	84	96
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	407 99,51 %	128 100%	99 98,01 %	84 100%	96 100,0%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	26 6,35%	2 1,56%	0 0,00%	0 0,00%	24 25%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	52 12,71 %	29 22,65 %	11 10,89 %	12 14,28 %	
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	30 7,33%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	30 31,25%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 2,6%	5 3,9%	2 1,9%	4 4,7%	0 0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,9%	1 0,9%	3 3,0%	0 0,00%	3 3,1%
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/3	0/0	0/1	1/1	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,7%	0 0%	1 0,9%	1 1,1%	1 1,0%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1 0,2%	0	0	0	1 1,0%
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	1 1,0%
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	96	0	0	0	96

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	63	0	0	0	93
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	22	0	0	0	22 (23,6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30	0	0	0	30 (32,3%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	41	0	0	0	41 (44,1%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	235/ 174	73/55	62/39	47/37	53/43
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai các khoản thu-chi năm 2024 (Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - năm 2023). Đơn vị: đồng

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn gửi xe	Thu tài trợ cơ sở giáo dục	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu hộ, chi hộ
		1-+1..+8	2	3	4	5	6	7	8
A	Các khoản phân thu								
	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	4.188.882.883	4.188.882.883						
	Thu từ người học	788.063.000		266.135.000	521.928.000				
	Thu cho thuê dịch vụ	6.960.000				6.960.000			
	Thu tài trợ cơ sở giáo dục								
	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu	12.548.400						12.548.400	

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn gửi xe	Thu tài trợ cơ sở giáo dục	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu hộ, chi hộ
	Thu hộ, chi hộ	118.425.000							118.425.000
	Thu khác								
B	Các khoản phân chi	5.000.452.933	4.188.397.373	276.719.560	521.928.000	13.408.000			
I	Các khoản chi cho con người	5.556.670.570	3.198.671.440	103.878.750	478.880.320	11.000.000			
1	Tiền lương, tiền công	1.764.240.060	1.732.888.060	20.352.000		11000000			
2	Phụ cấp lương	885.718.880	885.718.880						
3	Các khoản đóng góp	475.904.500	475.904.500						
4	Thêm giờ	177.426.750	93.900.000	83526750					
5	Khen thưởng giáo viên	10.260.000	10.260.000						
6	Phúc lợi tập thể								
7	Các khoản thanh toán cá nhân	478.880.320			478.880.320				
8	Trợ cấp nghỉ việc								
II	Chi hoạt động của trường	1.171.122.423	952.825.933	172.840.810	43.047.680	2.408.000			
1	Chi quản lý hành chính	84.693.250	58.727.040	24.456.210	1.510.000				
	Thanh toán dịch vụ công cộng	27.584.393	27.584.393						
	Vật tư văn phòng	34.030.557	15.847.447	16.673.110	1.510.000				
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	8.064.300	645.200	7.419.100					
	Hội nghị								
	Công tác phí	10.014.000	9.650.000	364.000					
	Chi phí thuê mướn	5.000.000	5.000.000						
2	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành CSVC, trang thiết bị, thuê	1.086.429.173	894.098.893	148.384.600	41.537.680	2.408.000			

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước	Nguồn học phí	Nguồn dạy thêm, học thêm	Nguồn gửi xe	Thu tài trợ cơ sở giáo dục	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu	Thu hộ, chi hộ
	mướn các DV trực tiếp cho hoạt động giáo dục								
	Sửa chữa tài sản dịch vụ chuyên môn	773.495.913	707.814.493	40.970.000	24.064.420	647.000			
	Mua sắm TS phục vụ chuyên môn	68999000	65.999.000	3.000.000					
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	122.325.800	42.511.200	79.814.600					
	Chi khác	121.608.460	77.774.200	24.600.000	17.473.260	1.761.000			
III	Chi hỗ trợ người học	36.900.000	36.900.000						
1	Hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho HS thuộc diện hộ nghèo	36.900.000	36.900.000						

2. Công khai khoản thu và mức thu đối với người học. Đơn vị: đồng

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức / HS	Số tháng	Dự kiến thu năm học 2024-2025	Dự kiến thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu năm học 2026-2027	Văn bản pháp lý
1	Học phí	419	85.000	9	320.535.000			
2	Dạy thêm, học thêm	440	252.000	7,0	776.160.000			
3	Bảo hiểm y tế	410	73.710	12	362.653.200			
4	Bảo hiểm thân thể	419	16.666	12	83.800.000			

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2023-2024.

Đơn vị: đồng

STT	Nguồn thu	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh được hưởng	Định mức	Tháng	Thành tiền
1	Tổng cộng					56.852.500
1	Hỗ trợ chi phí học tập	409				31.650.000
1.1	HK I (Căn cứ số KT năm 2023)	409	29	150.000	4	17.400.000
1.2	HK II (Căn cứ số KT năm 2024)	409	19	150.000	5	14.250.000
2	Miễn giảm học phí					25.202.500
2.1	Số học sinh được miễn					17.935.000
2.2	HK I (Căn cứ số KT năm 2023)	409	29	85.000	4	9.860.000
2.3	HK II (Căn cứ số KT năm 2024)	409	19	85.000	5	8.075.000
2.4	Số học sinh giảm 50%					7.267.500
2.5	HK I (Căn cứ số KT năm 2023)	409	19	42.500		3.230.000
2.6	HK II (Căn cứ số KT năm 2024)	409	19	42.500		4.037.500

4. Công khai các khoản thu và mức thu đối với người học. Đơn vị: đồng
(chờ văn bản hướng dẫn)

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức / HS	Số tháng	Dự kiến thu năm học 2024-2025	Dự kiến thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu năm học 2026-2027	Văn bản pháp lý
1	Học phí							

STT	Nguồn thu	Số học sinh	Định mức / HS	Số tháng	Dự kiến thu năm học 2024-2025	Dự kiến thu năm học 2025-2026	Dự kiến thu năm học 2026-2027	Văn bản pháp lý
2	Dạy thêm, học thêm							
3	Bảo hiểm y tế							
4	Bảo hiểm thân thể							
5	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu							

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Có 1 học sinh đạt giải KK cấp tỉnh: em Nguyễn Phương Anh hs lớp 9A.
- Thi giao lưu học sinh giỏi khối 6, 7, 8: 24/34 trong đó 4 giải Nhì, 12 giải Ba và 8 Giải KK.
- Đội tuyển HS thi KHKT đạt giải A cấp huyện.
- Thi giải cờ vua cấp huyện: 2 giải KK.
- Được Phòng Giáo dục và Đào tạo chọn dạy thử nghiệm tiết dạy theo hình thức bài dạy STEM cấp THCS trong hội thảo nâng cao chất lượng giáo dục STEM tại ngày hội STEM cấp tỉnh năm học 2023-2024 và có sản phẩm tham dự ngày hội STEM cấp tỉnh được Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT đánh giá cao.

Nơi nhận:

- Website của trường;
- CBGV, NV trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Mạc Mạnh Cường